TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2023/DS-PT
Ngày 18 – 12 - 2023
"V/v Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở khai thác, sử dụng kênh công cộng và bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở khai thác, sử dụng kênh công cộng và bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn*: Chị A, sinh năm 1986 (Có mặt)

Anh B, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh B: Anh C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp M1, xã N, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- *Đồng bị đơn*: Anh D, sinh năm 1975 (Có mặt)

Chị Đ, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Ông E, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

Anh F, sinh năm 1979 (Có mặt)

Chị G, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Đồng nguyên đơn chị A và anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đồng nguyên đơn chị A, anh B trình bày:*

Vợ chồng chị A, anh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc đồng bị đơn anh D, chị Đ, ông E, anh F, chị G phải chấm dứt hành vi cản trở vợ chồng chị A, anh B khai thác, sử dụng con kênh ngang miễu ông Tà đoạn ngang đất của vợ chồng chị A, anh B ở vị trí giữa kênh trở vào phần bờ đất bên gia đình chị A, anh B, cụ thể là chấm dứt hành vi ngăn cản vợ chồng chị A, anh B đưa xáng cuốc vào lấy đất dưới lòng kênh để sử dụng. Đồng thời, vợ chồng chị A, anh B yêu cầu đồng bị đơn anh D, chị Đ, ông E, anh F, chị G phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng chị A, anh B số tiền là 12.420.000 đồng do hành vi cản trở nêu trên dẫn đến việc vợ chồng chị A, anh B không có đất để đắp nền nhà nên buộc phải mua 46m^3 cát bồi đắp nền nhà với số tiền 12.420.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng chị A, anh B không có yêu cầu gì khác.

- *Đồng bị đơn anh D, chị Đ, ông E, anh F, chị G thống nhất trình bày:*

Đồng bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị A, anh B về việc yêu cầu đồng bị đơn phải chấm dứt hành vi ngăn cản vợ chồng chị A, anh B đưa xáng cuốc vào múc đất dưới lòng kênh ngang miễu ông Tà ở vị trí giữa kênh trở vào phần bờ đất bên gia đình chị A, anh B *(đoạn kênh ngang đất của vợ chồng chị A, anh B)* và cũng không đồng ý việc vợ chồng chị A, anh B yêu cầu đồng bị đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền là 12.420.000 đồng do việc đồng bị đơn ngăn cản không cho vợ chồng chị A, anh B đưa xáng cuốc vào múc đất dưới kênh nêu trên dẫn đến chị A, anh B không có đất để đắp nền nhà nên buộc phải mua 46m^3 cát bồi đắp nền nhà với số tiền 12.420.000 đồng.

Lý do đồng bị đơn ngăn cản không cho vợ chồng chị A, anh B đưa xáng vào cuốc múc đất dưới lòng kênh *(đoạn kênh ngang đất của vợ chồng chị A, anh B)* là do bên gia đình của chị A, anh B làm bờ kè lấn ra kênh công cộng *(lấn ra kênh miễu Ông Tà khoảng 03m)*, nhà của chị G đối diện với nhà của chị A, anh B phía bên kia con kênh, hiện tại chiều ngang còn lại của con kênh này chỉ khoảng 08m, nếu vợ chồng chị A, anh B múc đất dưới lòng kênh đoạn ngang nhà chị G và nhà chị A, anh B sẽ làm sạt lở nhà của chị G. Do đó, đồng bị đơn không đồng ý cho gia đình chị A, anh B múc đất ở vị trí nêu trên. Đồng bị đơn có yêu cầu phía gia đình chị A, anh B múc đất ở vị trí khác cách xa căn nhà của chị G nhưng phía gia đình chị A, anh B không đồng ý từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Sự việc gia đình đồng bị đơn ngăn cản không cho phía gia đình chị A, anh B đưa xáng cuốc vào múc đất ở vị trí nêu trên cũng được địa phương mời làm việc nhiều lần nhưng không dứt điểm.

Đồng bị đơn có yêu cầu phía gia đình chị A, anh B nhổ bỏ bờ kè (bờ làm bằng cây) mà gia đình chị A, anh B cậm lấn ra lòng kênh ngang miễu ông Tà

khoảng 03m (đoạn ngang đất của vợ chồng chị A, anh B), sau đó chia đôi con kênh ra làm 2 thì bên gia đình đồng bị đơn đồng ý cho bên chị A, anh B múc đất dưới kênh bên phía chị A, anh B nhưng chị A, anh B cũng không đồng ý.

Đến thời điểm hiện tại, bên phía gia đình chị A, anh B đã múc được đất dưới kênh để sử dụng nhưng múc đất ở vị trí khác (không phải vị trí mà hai bên có tranh chấp). Đoạn kênh mà đồng bị đơn ngăn cản không cho bên phía chị A, anh B đưa xáng cuốc vào múc đất không thuộc quyền sử dụng đất của bên gia đình đồng bị đơn và cũng không thuộc quyền sử dụng đất của bên gia đình chị A, anh B. Con kênh này là kênh công cộng do nhà nước quản lý. Ngoài ra, đồng bị đơn không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn chị A, anh B yêu cầu đồng bị đơn anh D, chị Đ, ông E, anh F, chị G phải chấm dứt hành vi cản trở vợ chồng chị A, anh B khai thác đất dưới lòng kênh ngang miễu ông Tà ở vị trí giữa kênh trở vào phần bờ bên gia đình chị A, anh B (đoạn ngang đất của vợ chồng chị A, anh B).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn chị A, anh B yêu cầu đồng bị đơn anh D, chị Đ, ông E, anh F, chị G phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 12.420.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19 tháng 9 năm 2023, đồng nguyên đơn chị A, anh B kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đồng nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của đồng nguyên đơn nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm, chị A, anh C, anh D, anh F có mặt; Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng một số đương sự là đúng quy định.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn phải chấm dứt hành vi ngăn cản đồng nguyên đơn khai thác đất dưới lòng kênh ngang miễu ông Tà ở vị trí giữa kênh trở vào phần bờ bên gia đình đồng nguyên đơn (đoạn ngang đất của đồng nguyên đơn), đồng bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và thừa nhận ngăn cản không cho đồng nguyên đơn đưa xáng cuốc vào lấy đất dưới lòng kênh ngang miễu ông Tà (đoạn ngang nhà của đồng nguyên đơn). Xét thấy, các bên đương sự đều thống nhất xác định đoạn kênh mà phía đồng bị đơn ngăn cản không cho nguyên đơn đưa xáng cuốc vào lấy đất để sử dụng nêu trên không thuộc quyền sử dụng đất của hai bên đương sự mà đoạn kênh này là kênh công cộng do nhà nước quản lý.

[4] Cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ là văn bản trả lời của chính quyền địa phương xã, huyện đối với vị trí đoạn kênh ngang miễu ông Tà nơi các đương sự đang tranh chấp. Tại Công văn số 41/CV-UBND ngày 25/07/2023 của UBND xã N, huyện L phúc đáp cho Tòa án nhân dân huyện L đã nêu rõ: *"Đoạn kênh nằm trước nhà của vợ chồng chị A, anh B và nhà của chị G trước đây là đường lung sau này có chủ trương nuôi tôm và nhà nước tiến hành nạo vét phục vụ cho bà con; đoạn kênh tranh chấp trên có thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1993 nằm trong phần chưa có giải thửa thuộc tờ bản đồ số 14, còn trên bản đồ địa chính chính quy thành lập năm 2009 thể hiện là mương thuộc tờ bản đồ số 12; đoạn kênh đang có tranh chấp thuộc quyền quản lý của UBND huyện…Từ khi xảy ra tranh chấp cho đến nay thì UBND xã không có văn bản nào đồng ý cho gia đình chị A, anh B lấy đất dưới lòng kênh để sử dụng."* Đồng thời, tại Công văn số 1407/UBND ngày 11/08/2023 của UBND huyện L phúc đáp cho Tòa án nhân dân huyện L cũng đã khẳng định: *"Trường hợp vị trí tranh chấp nằm trên kênh ngang miễu ông Tà thuộc ấp M, xã N, huyện L, tỉnh Bạc Liêu do nhà nước quản lý, khi người dân có nhu cầu lấy đất dưới lòng kênh thì phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định. Từ trước đến nay UBND huyện L không có văn bản đồng ý cho gia đình bà A, ông B lấy đất dưới lòng kênh để sử dụng."*.

[5] Mặt khác, cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại tại khoản 1 Điều 64 Luật khoáng sản để xác định đất dùng làm vật liệu san lấp được xem là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản thì phần đất nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn chấm dứt hành vi ngăn

cản khai thác thuộc loại đất phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản mới được khai thác.

[6] Như vậy, đủ căn cứ xác định vị trí lòng kênh ngang miễu ông Tà mà vợ chồng chị A, anh B đưa xáng cuốc vào lấy đất để đắp nền nhà và đồng bị đơn ngăn cản là đất công cộng do nhà nước quản lý, không thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình chị A, anh B và vợ chồng chị A, anh B, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác đất tại vị trí nêu trên. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị A, anh B yêu cầu đồng bị đơn phải chấm dứt hành vi ngăn cản chị A, anh B khai thác đất dưới lòng kênh ngang miễu ông Tà ở vị trí giữa kênh trở vào phần bờ bên gia đình chị A, anh B (đoạn ngang đất của vợ chồng chị A, anh B) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đã có xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan và toàn diện.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc đồng bị đơn phải bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi cản trở của đồng bị đơn dẫn đến đồng nguyên đơn không có đất để đắp nền nhà, buộc phải mua 46m^3 cát đắp nền nhà với số tiền là 12.420.000 đồng: Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định nguyên đơn không có quyền sử dụng hợp pháp đối với đất dưới lòng kênh ngang miễu ông Tà ở vị trí giữa kênh trở vào phần bờ bên gia đình nguyên đơn nên nguyên đơn không bị thiệt hại, hành vi ngăn cản của đồng bị đơn không phải là hành vi xâm phạm đến tài sản của vợ chồng chị A, anh B nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là có cơ sở pháp lý, phù hợp quy định pháp luật.

[8] Xét kháng cáo của đồng nguyên đơn không đồng ý với án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn: Như đã phân tích trên, đủ cơ sở chứng minh đất nguyên đơn muốn khai thác là loại đất dùng làm vật liệu san lấp, đây là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và muốn khai thác phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Nguyên đơn không có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất muốn khai thác và không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của đồng bị đơn nên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án số 59/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[11] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 6 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 64 Luật khoáng sản năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn chị A, anh B yêu cầu đồng bị đơn anh D, chị Đ, ông E, anh F, chị G phải chấm dứt hành vi cản trở vợ chồng chị A, anh B khai thác đất dưới lòng kênh ngang miễu ông Tà ở vị trí giữa kênh trở vào phần bờ bên gia đình chị A, anh B (đoạn ngang đất của vợ chồng chị A, anh B).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn chị A, anh B yêu cầu đồng bị đơn anh D, chị Đ, ông E, anh F, chị G phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 12.420.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị A, anh B phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

- Buộc chị A, anh B phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 621.000 đồng.

Chị A, anh B đã nộp tạm ứng án phí số tiền đồng 612.000 đồng theo biên lai thu số 0006650 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được chuyển thu án phí. Chị A, anh B phải liên đới nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 309.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị A, anh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chị A, anh B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại lai thu số 0010775 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được chuyển thu án phí toàn bộ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện L (01 bản);
- CCTHADS huyện L (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt